

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH: QUẢN TRỊ TRƯỜNG HỌC**

MÃ SỐ: 7140117

(Xây dựng theo chương trình đào tạo điều chỉnh chuẩn trình độ đại học
ban hành năm 2023)

Hà Nội, 2023

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH: QUẢN TRỊ TRƯỜNG HỌC
MÃ SỐ: 7140117

(Xây dựng theo chương trình đào tạo điều chỉnh ban hành năm 2023)

1. **Đơn vị đào tạo cấp bằng:** Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. **Đơn vị đào tạo, giảng dạy:** Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. **Thông tin chi tiết về việc kiểm định chương trình do các tổ chức nghề nghiệp hoặc cơ quan pháp luật tiến hành**

Chương trình chưa được các tổ chức nghề nghiệp hoặc cơ quan pháp luật tiến hành kiểm định chất lượng

4. **Tên văn bằng**
 - + Tiếng Việt: Cử nhân Quản trị trường học
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in School Administration
5. **Tên chương trình**
 - + Tiếng Việt: Quản trị trường học
 - + Tiếng Anh: School Administration
6. **Loại hình đào tạo:** Chính quy
7. **Thời gian đào tạo:** 4 năm
8. **Mục tiêu đào tạo**

a) Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân quản trị trường học trang bị cho người học kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và năng lực thực hiện các hoạt động quản lý, quản trị, điều hành hiệu quả trong các cơ sở giáo dục.

b) Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu kiến thức

- Trang bị kiến thức nền tảng và chuyên sâu về giáo dục, quản trị trường học, tâm lý, hành chính, xã hội học, chính trị, văn hóa, pháp luật Việt Nam và bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Cung cấp kiến thức và phương pháp nghiên cứu khoa học liên ngành về giáo dục để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và triển khai thực tiễn.

- Phát triển khả năng phân tích và vận dụng kiến thức chuyên sâu về khoa học giáo dục để thực hiện các mục tiêu quản trị của nhà trường.

Mục tiêu kỹ năng

- Phát triển tư duy phản biện và năng lực giải quyết vấn đề trong công việc chuyên môn và thực tiễn cuộc sống.

- Rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ giáo dục mới và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.

- Hình thành khả năng tư vấn, giải quyết vấn đề một cách linh hoạt, thích ứng với sự thay đổi và sử dụng giải pháp thay thế trong hoạt động chuyên môn.

- Phát triển kỹ năng tham gia, hỗ trợ và tổ chức nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học giáo dục.

Mục tiêu thái độ

- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc đa dạng và tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Chủ động thực hiện hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và huy động các điều kiện cần thiết để hoàn thành mục tiêu giáo dục trong các điều kiện khác nhau.

9. Thông tin tuyển sinh

Hình thức tuyển sinh: Theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chi tiết thông tin tuyển sinh đăng tải tại website trường Đại học Giáo dục- Đại học Quốc gia Hà Nội <https://education.vnu.edu.vn/>

10. Hình thức tuyển sinh

Căn cứ Biên bản họp ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2024, Trường Đại học Giáo dục thông báo điểm trúng tuyển đại học, hệ chính quy năm 2024 đối với thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức:

- Xét tuyển kết hợp kết quả thi Tốt nghiệp THPT năm 2024 với chứng chỉ quốc tế, mã phương thức: 409; mã tổ hợp: S49.

- Ưu tiên xét tuyển theo Quy định của Bộ GD&ĐT; Quy định đặc thù của ĐHQGHN, mã phương thức: 500; mã tổ hợp xét tuyển: S50.

10.1. Xét tuyển kết hợp kết quả thi Tốt nghiệp THPT năm 2024 với chứng chỉ quốc tế, mã phương thức: 409; mã tổ hợp: S49

Xét trúng tuyển có điều kiện đối với thí sinh sử dụng phương thức xét tuyển kết hợp kết quả thi Tốt nghiệp THPT năm 2024 với chứng chỉ quốc tế (mã: 409) vào các ngành đào tạo đại học, hệ chính quy năm 2024 của Trường Đại học Giáo dục, nếu thỏa mãn tiêu chí trúng tuyển sau:

Tiêu chí trúng tuyển

- Điểm IELTS từ 5.5 điểm (hoặc TOEFL iBT từ 72 điểm) trở lên.
- Tổng điểm 2 môn trong THXT có Ngoại ngữ đạt từ 14.00 điểm trở lên (xét theo tổ hợp xét tuyển D01).

Điều kiện trúng tuyển: Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển khi xác nhận nhập học trực tuyến trên Hệ thống xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời hạn quy định.

Thí sinh trúng tuyển và nhập học vào các nhóm ngành Sư phạm Toán và Khoa học tự nhiên (mã: GD1); Sư phạm Ngữ văn, Lịch sử, Lịch sử-Địa lí (mã: GD2); Khoa học Giáo dục và khác (mã: GD3) sẽ được phân ngành sau khi học xong năm thứ nhất đại học theo Quy định trong Đề án tuyển sinh của Trường năm 2024.

10.2. Ưu tiên xét tuyển theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đặc thù của ĐHQGHN, mã phương thức: 500; mã tổ hợp xét tuyển: S50

Xét trúng tuyển có điều kiện đối với thí sinh sử dụng phương thức ưu tiên xét tuyển theo Quy định của Bộ GD&ĐT; Quy định đặc thù của ĐHQGHN (mã: 500) vào các ngành đào tạo đại học, hệ chính quy năm 2024 của Trường Đại học Giáo dục, nếu thỏa mãn tiêu chí trúng tuyển sau:

- Đạt giải **Nhất, Nhì, Ba** trong các kỳ thi chọn HSG cấp tỉnh/Thành phố hoặc Olympic do ĐHQGHN tổ chức.

- Trung bình chung học tập bậc THPT đạt từ 8.5 trở lên.
- Ba năm THPT đạt học lực Giỏi
- Ba năm THPT đạt hạnh kiểm Tốt.
- Tổng điểm 3 môn thi/bài thi theo tổ hợp xét tuyển đạt ngưỡng ĐBCL ĐV năm 2024 của nhóm ngành

10.3. Lưu ý đối với thí sinh

- **Điều kiện trúng tuyển:** Thí sinh được công nhận trúng tuyển và đủ điều kiện nhập học sau khi tốt nghiệp THPT và đăng ký xét tuyển trên Hệ thống tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT.

- Thí sinh trúng tuyển và nhập học vào nhóm ngành Khoa học Giáo dục và khác (mã: GD3) sẽ được ưu tiên phân ngành theo nguyện vọng 1 khi đăng ký phân

ngành (sau khi học xong năm thứ nhất đại học) nếu chưa đăng ký ngành khi nộp hồ sơ ưu tiên xét tuyển (có mã phương thức: 500).

11. Chuẩn đầu ra của chương trình

11.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

PLO1: Vận dụng được sự hiểu biết căn bản về chính trị, văn hóa, xã hội, hệ thống giáo dục, pháp luật Việt Nam và bối cảnh hội nhập quốc tế vào trong lĩnh vực công tác và trong đời sống.

PLO2: Vận dụng được các kiến thức và phương pháp nghiên cứu khoa học liên ngành về giáo dục để có thể thực hiện các nhiệm vụ khoa học và triển khai thực tiễn.

PLO3. Thể hiện được sự hiểu biết căn bản thuộc lĩnh vực giáo dục, tâm lý, hành chính, xã hội học, chính trị, văn hóa... trong cách thức quản lý nhân sự và các mối quan hệ của trường học với cộng đồng xã hội.

PLO4. Phân tích kiến thức về khoa học có liên quan để thực thi các hoạt động phục vụ cho mục tiêu giáo dục của trường học.

PLO5. Phân tích kiến thức về khoa học giáo dục để thực hiện các mục tiêu quản trị của nhà trường.

PLO6. Khởi xướng, dẫn dắt và kết nối của người lãnh đạo chuyên môn trong nhà trường hướng tới phát triển giáo dục bền vững.

11.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

PLO7 : Kết hợp được tư duy phản biện và năng lực giải quyết vấn đề trong giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực chuyên môn và thực tiễn cuộc sống.

PLO8: Sử dụng được những công nghệ giáo dục mới (cả phần cứng và phần mềm) trong thực hiện hoạt động nghề nghiệp tương lai.

PLO9: Đạt trình độ Ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

PLO10: Tư vấn giải quyết những vấn đề phát sinh một cách linh hoạt, thích ứng với sự thay đổi; sử dụng các giải pháp thay thế trong các điều kiện hoàn cảnh khác nhau trong hoạt động chuyên môn của tổ chức giáo dục và nghề nghiệp liên quan.

PLO11: Tham gia, hỗ trợ và hướng tới tự tổ chức nghiên cứu và chuyển giao ứng dụng khoa học giáo dục.

PLO12: Vận dụng kiến thức khoa học quản trị trong tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ người học và đồng nghiệp trong các cơ sở giáo dục.

PLO13: Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục để thực hiện các mục tiêu quản trị của nhà trường.

11.3. Chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO14 :Làm việc tự chủ, độc lập, chuyên nghiệp cũng như khả năng hợp tác, trách nhiệm, khát vọng cống hiến và giao tiếp hiệu quả; Tự định hướng, thích nghi trong các môi trường làm việc khác nhau; Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

PLO15 : Khởi xướng, dẫn dắt và kết nối hướng tới phát triển giáo dục bền vững.

12. Các chương trình chuẩn quốc tế mà đơn vị tham khảo

12.1 Chương trình đào tạo tham khảo

- Institute of development management- Botswana đào tạo chương trình cử nhân quản lý giáo dục. Chương trình đào tạo 4 năm với mục tiêu đào tạo các hiệu trưởng trường phổ thông.

- Asbury University đào tạo chương trình cử nhân The Adventure Education and Leadership program. Mục tiêu chương trình đào tạo năng lực lãnh đạo cho các nhân viên giáo dục, điều phối viên dự án, chương trình giáo dục.

- Florida Christina university, đào tạo cử nhân khoa học giáo dục- Bachelor of Science in Education. Mục tiêu của chương trình mở rộng, hướng đến các chuẩn đầu ra giúp người học sau 4 năm có được năng lực tổ chức, quản lý các cơ sở giáo dục. Bachelor of Science in Education- Florida Christina university

- Royal Academy of Economics and Technology in Switzerland, đào tạo chương trình cử nhân quản lý giáo dục(Executive Bachelor's in Institutional and Educational Management) Mục tiêu của chương trình là hình thành năng lực quản lý, lãnh đạo cho các nhà quản lý, giám sát viên, hiệu trưởng các trường, cơ sở giáo dục.

- University of Lethbridge – Canada, đào tạo chương trình Bachelor of Management and a Bachelor of Education. Chương trình đào tạo song bằng trong thời gian 4 năm giúp người học có năng lực trong lĩnh vực giáo dục và quản lý để điều hành, tổ chức, quản lý các cơ sở giáo dục.

- Chương trình cử nhân Quản lý giáo dục của Học viện Quản lý giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cũng thực hiện trong 4 năm, tuy nhiên có những điểm khác biệt liên quan đến chuẩn đầu ra, số môn học bắt buộc, số môn học lựa chọn. Tất cả chương trình đều đáp ứng yêu cầu của Bộ GD&ĐT.

12.2 Tài liệu tham khảo trong quá trình xây dựng chương trình

1. Adams, J. P. (1987). *Superintendents and effective schools*. Unpublished PhD, University of California, Santa Barbara, CA.

2. Anderson, L., & Bourke, S. F. (2000). *Assessing effective characteristics in the school*. New York, NY: Lawrence Erlbaum Associates.

3. Anyon, J. (Ed.) (2009). *Theory and educational research: Toward critical social explanation*. New York, NY: Routledge.
4. Apple, M. W. (2010). Theory, research, and the critical scholar/activist. *Educational Researcher*, 39(1), 152-155.
5. Bacharach, S. B. (1989). Organizational theories: Some criteria for evaluation. *Academy of Management Review*, 14(4), 496-515.
6. Bacharach, S. B., & Lawler, E. J. (1980). *Power and politics in organizations*. San Francisco: Jossey- Bass.
8. Baron, G., & Taylor, W. (Eds.) (1969). *Educational administration and the social sciences*. London: The Athlone Press.
9. Barth, R. S. (1991). *Improving schools from within*. San Francisco, CA: Jossey-Bass.
10. Bates, R. J. (1980). Educational administration, the sociology of science, and the management of knowledge. *Educational Administration Quarterly*, 16(2), 1-20.
11. Bates, R. J. (2006a). Culture and leadership in educational administration: A historical study of what was and what might have been. *Journal of Educational Administration and History*, 38(2), 155-168.
12. Bates, R. J. (2010). History of educational leadership and management. In P. Peterson, E. Baker & B. McGraw (Eds.), *International encyclopedia of education* (3rd ed., pp. 724-730). Oxford: Elsevier.
13. Blackmore, J. (2010). Policy, practice and purpose in the field of education: A critical review. *Critical Studies in Education*, 51(1), 101-111.
14. Bridges, E. (1982). Research on the school administrator: The state of the art 1967-1980. *Educational Administration Quarterly*, 18(3), 12-33.
15. Bush, T. (2007). Theory and research in educational leadership and management. *Educational Management Administration & Leadership*, 35(1), 5-8.
16. Bush, T., & Coleman, M. (2000). *Leadership and strategic management in education*. London: Paul Chapman.
17. Davies, B. (2004a). Developing the strategically focused school. *School Leadership and Management*, 24(1), 11-27.
18. Fidler, B. (1996). *Strategic planning for school improvement*. London: Pitman.
19. Giles, C. (1997). *School development planning: A practical guide to the strategic management process*.

20. Gunter, H. (2001). *Leaders and leadership in education*. Thousand Oaks, CA: Sage.

21. Gunter, H., & Fitzgerald, T. (2008). The future of leadership research. *School Leadership & Management*, 28(3), 261-279.

22. Hoffman, L. P. (2009). Educational leadership and social activism: A call for action. *Journal of Educational Administration and History*, 41(4), 391-410.

23. Hutchinson, B. (1993). The effective reflective school: Vision and pipedreams in development planning. *Educational Management and Administration*, 21(1), 4-18.

24. Leithwood, K., Jantzi, D., Earl, L., Watson, N., Levin, B., & Fullan, M. (2004). Strategic leadership for large-scale reform: The case of England's national literacy and numeracy strategy. *School Leadership and Management*, 24(1), 57-79.

25. Preedy, M., Glatter, R., & Wise, C. (Eds.). (2003). *Strategic leadership and educational improvement*. Buckingham, UK: Open University Press.

26. Stefkovich, J. A., & Begley, P. (2007). Ethical school leadership: Defining the best interests of students. *Educational Management Administration & Leadership*, 35(2), 2

27. Walker, W. G., Crane, A. R., & Thomas, A. R. (1973). *Explorations in educational administration*. St Lucia, QLD: University of Queensland Press.

12.3. Giới thiệu về chương trình được sử dụng để xây dựng chương trình

- Tên chương trình (tên ngành/chuyên ngành), tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Bachelor of Education (Teaching)

- Tên cơ sở đào tạo, nước đào tạo: Đại học New England, UNE

- Xếp hạng của cơ sở đào tạo, ngành/chuyên ngành đào tạo: **Trường Đại học New England được thành lập từ năm 1831, được xếp thứ 27 trong khối các trường đại học tốt nhất (Theo bảng xếp hạng các trường đại học tốt nhất năm 2012)**

(<http://www.webometrics>).

12.4. Bảng so sánh chương trình đào tạo

Quốc gia	Tên chương trình và Trường đại học	Mục tiêu	Chuẩn đầu ra	Số lượng môn học	Số lượng tín chỉ	Hướng chuyên ngành	Đường link
----------	------------------------------------	----------	--------------	------------------	------------------	--------------------	------------

Việt Nam	Cử nhân Quản lý giáo dục - Đại học Sư phạm Hà Nội	Trang bị kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, và năng lực thực hiện các hoạt động quản lý, quản trị, điều hành hiệu quả trong các cơ sở giáo dục. Phát triển khả năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và sử dụng công nghệ giáo dục mới và ngoại ngữ.	Vận dụng kiến thức về chính trị, văn hóa, xã hội, hệ thống giáo dục, pháp luật Việt Nam và bối cảnh hội nhập quốc tế. Phân tích và áp dụng kiến thức khoa học giáo dục để thực hiện các mục tiêu quản trị của nhà trường. Phát triển kỹ năng tư vấn, hỗ trợ và tổ chức nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học giáo dục.	80	130	Quản trị hành chính nhà trường, Quản trị nhân lực và đào tạo, Phát triển và quản lý chương trình giáo dục	Đại học Sư phạm Hà Nội
Việt Nam	Cử nhân Quản lý giáo dục - Đại học Sư phạm TP.HCM	Trang bị kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, và năng lực thực hiện các hoạt động quản lý, quản trị, điều hành hiệu quả trong các cơ sở giáo dục. Phát triển khả năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và sử dụng công nghệ giáo dục mới và ngoại ngữ.	Vận dụng kiến thức về chính trị, văn hóa, xã hội, hệ thống giáo dục, pháp luật Việt Nam và bối cảnh hội nhập quốc tế. Phân tích và áp dụng kiến thức khoa học giáo dục để thực hiện các mục tiêu quản trị của nhà trường. Phát triển kỹ năng tư vấn, hỗ trợ và tổ chức nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học giáo dục.	80	130	Quản trị hành chính nhà trường, Quản trị nhân lực và đào tạo, Phát triển và quản lý chương trình giáo dục	Đại học Sư phạm TP.HCM
Việt Nam	Cử nhân Quản lý giáo dục - Đại học Sư phạm Đà Nẵng	Trang bị kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, và năng lực thực hiện các hoạt động quản lý, quản trị, điều	Vận dụng kiến thức về chính trị, văn hóa, xã hội, hệ thống giáo dục, pháp luật Việt Nam và bối cảnh hội nhập quốc tế. Phân tích và áp dụng	80	130	Quản trị hành chính nhà trường, Quản trị nhân lực và đào tạo, Phát	Đại học Sư phạm Đà Nẵng

		hành hiệu quả trong các cơ sở giáo dục. Phát triển khả năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và sử dụng công nghệ giáo dục mới và ngoại ngữ.	kiến thức khoa học giáo dục để thực hiện các mục tiêu quản trị của nhà trường. Phát triển kỹ năng tư vấn, hỗ trợ và tổ chức nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học giáo dục.			triển và quản lý chương trình giáo dục	
Hoa Kỳ	Bachelor of Science in Education - University of Illinois	Cung cấp kiến thức chuyên sâu về quản lý giáo dục, chính sách giáo dục, và các kỹ năng lãnh đạo. Phát triển năng lực nghiên cứu và phân tích dữ liệu giáo dục.	Phát triển kỹ năng lãnh đạo và quản lý giáo dục, năng lực phân tích và sử dụng dữ liệu giáo dục. Khả năng áp dụng kiến thức vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn trong giáo dục.	45	120	Quản lý giáo dục, Lãnh đạo giáo dục, Phân tích dữ liệu giáo dục	University of Illinois
Hoa Kỳ	Bachelor of Education - Harvard University	Cung cấp kiến thức chuyên sâu về quản lý giáo dục, chính sách giáo dục, và các kỹ năng lãnh đạo. Phát triển năng lực nghiên cứu và phân tích dữ liệu giáo dục.	Phát triển kỹ năng lãnh đạo và quản lý giáo dục, năng lực phân tích và sử dụng dữ liệu giáo dục. Khả năng áp dụng kiến thức vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn trong giáo dục.	45	120	Quản lý giáo dục, Lãnh đạo giáo dục, Phân tích dữ liệu giáo dục	Harvard University
Hoa Kỳ	Bachelor of Education - Stanford University	Cung cấp kiến thức chuyên sâu về quản lý giáo dục, chính sách giáo dục, và các kỹ năng lãnh đạo. Phát triển năng lực nghiên cứu và phân tích dữ liệu giáo dục.	Phát triển kỹ năng lãnh đạo và quản lý giáo dục, năng lực phân tích và sử dụng dữ liệu giáo dục. Khả năng áp dụng kiến thức vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn trong giáo dục.	45	120	Quản lý giáo dục, Lãnh đạo giáo dục, Phân tích dữ liệu giáo dục	Stanford University

Úc	Bachelor of Education (Leadership and Management) - University of Sydney	Trang bị kiến thức và kỹ năng quản lý giáo dục, lãnh đạo và điều hành các tổ chức giáo dục. Phát triển năng lực tư duy chiến lược và giải quyết vấn đề trong quản lý giáo dục.	Phát triển năng lực lãnh đạo, quản lý và điều hành các tổ chức giáo dục. Tư duy chiến lược và kỹ năng giải quyết vấn đề trong quản lý giáo dục.	50	12 5	Quản lý giáo dục, Lãnh đạo giáo dục, Quản trị chiến lược giáo dục	University of Sydney
Úc	Bachelor of Education - University of Melbourne	Trang bị kiến thức và kỹ năng quản lý giáo dục, lãnh đạo và điều hành các tổ chức giáo dục. Phát triển năng lực tư duy chiến lược và giải quyết vấn đề trong quản lý giáo dục.	Phát triển năng lực lãnh đạo, quản lý và điều hành các tổ chức giáo dục. Tư duy chiến lược và kỹ năng giải quyết vấn đề trong quản lý giáo dục.	50	12 5	Quản lý giáo dục, Lãnh đạo giáo dục, Quản trị chiến lược giáo dục	University of Melbourne
Úc	Bachelor of Education - Monash University	Trang bị kiến thức và kỹ năng quản lý giáo dục, lãnh đạo và điều hành các tổ chức giáo dục. Phát triển năng lực tư duy chiến lược và giải quyết vấn đề trong quản lý giáo dục.	Phát triển năng lực lãnh đạo, quản lý và điều hành các tổ chức giáo dục. Tư duy chiến lược và kỹ năng giải quyết vấn đề trong quản lý giáo dục.	50	12 5	Quản lý giáo dục, Lãnh đạo giáo dục, Quản trị chiến lược giáo dục	Monash University
Anh	Bachelor of Arts in Education - University College London	Cung cấp kiến thức chuyên sâu về quản lý và lãnh đạo giáo dục, phát triển năng lực nghiên cứu và phân tích	Phát triển kỹ năng lãnh đạo và quản lý giáo dục, năng lực nghiên cứu và phân tích chính sách giáo dục.	48	12 0	Quản lý giáo dục, Lãnh đạo giáo dục, Nghiên cứu chính sách giáo	University College London

		chính sách giáo dục.				dục	
Anh	Bachelor of Education - University of Cambridge	Cung cấp kiến thức chuyên sâu về quản lý và lãnh đạo giáo dục, phát triển năng lực nghiên cứu và phân tích chính sách giáo dục.	Phát triển kỹ năng lãnh đạo và quản lý giáo dục, năng lực nghiên cứu và phân tích chính sách giáo dục.	48	120	Quản lý giáo dục, Lãnh đạo giáo dục, Nghiên cứu chính sách giáo dục	University of Cambridge
Anh	Bachelor of Education - University of Oxford	Cung cấp kiến thức chuyên sâu về quản lý và lãnh đạo giáo dục, phát triển năng lực nghiên cứu và phân tích chính sách giáo dục.	Phát triển kỹ năng lãnh đạo và quản lý giáo dục, năng lực nghiên cứu và phân tích chính sách giáo dục.	48	120	Quản lý giáo dục, Lãnh đạo giáo dục	University of Oxford
Trung Quốc	Bachelor of Education Management - Peking University	Trang bị kiến thức quản lý giáo dục, kỹ năng lãnh đạo và điều hành các cơ sở giáo dục. Phát triển năng lực nghiên cứu và đổi mới giáo dục.	Phát triển kỹ năng lãnh đạo và quản lý giáo dục, năng lực nghiên cứu và đổi mới trong giáo dục.	52	130	Quản lý giáo dục, Lãnh đạo giáo dục, Đổi mới giáo dục	Peking University
Trung Quốc	Bachelor of Education Management - Tsinghua University	Trang bị kiến thức quản lý giáo dục, kỹ năng lãnh đạo và điều hành các cơ sở giáo dục. Phát triển năng lực nghiên cứu và đổi mới giáo dục.	Phát triển kỹ năng lãnh đạo và quản lý giáo dục, năng lực nghiên cứu và đổi mới trong giáo dục.	52	130	Quản lý giáo dục, Lãnh đạo giáo dục	Tsinghua University

Trung Quốc	Bachelor of Education Management - Fudan University	Trang bị kiến thức quản lý giáo dục, kỹ năng lãnh đạo và điều hành các cơ sở giáo dục. Phát triển năng lực nghiên cứu và đổi mới giáo dục.	Phát triển kỹ năng lãnh đạo và quản lý giáo dục, năng lực nghiên cứu và đổi mới trong giáo dục.	52	130	Quản lý giáo dục, Lãnh đạo giáo dục	Fudan University
Đức	Bachelor of Education Science - University of Munich	Cung cấp kiến thức về quản lý và lãnh đạo giáo dục, phát triển kỹ năng tư duy phản biện và giải quyết vấn đề trong quản lý giáo dục.	Phát triển kỹ năng lãnh đạo và quản lý giáo dục, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề.	47	120	Quản lý giáo dục, Lãnh đạo giáo dục, Tư duy phản biện trong giáo dục	University of Munich
Đức	Bachelor of Education - University of Heidelberg	Cung cấp kiến thức về quản lý và lãnh đạo giáo dục, phát triển kỹ năng tư duy phản biện và giải quyết vấn đề trong quản lý giáo dục.	Phát triển kỹ năng lãnh đạo và quản lý giáo dục, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề.	47	120	Quản lý giáo dục, Lãnh đạo giáo dục	University of Heidelberg
Đức	Bachelor of Education - University of Berlin	Cung cấp kiến thức về quản lý và lãnh đạo giáo dục, phát triển kỹ năng tư duy phản biện và giải quyết vấn đề trong quản lý giáo dục.	Phát triển kỹ năng lãnh đạo và quản lý giáo dục, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề.	47	120	Quản lý giáo dục, Lãnh đạo giáo dục	University of Berlin
Thái Lan	Bachelor of Education - Chulalongkorn University	Trang bị kiến thức quản lý giáo dục, phát triển kỹ năng lãnh đạo và	Phát triển kỹ năng lãnh đạo và quản trị giáo dục, khả năng làm việc trong môi trường giáo	50	125	Quản lý giáo dục, Lãnh đạo giáo dục, Quản trị	Chulalongkorn University

		quản trị trong môi trường giáo dục đa dạng.	dục đa dạng.			giáo dục đa dạng	
Thái Lan	Bachelor of Education - Mahidol University	Trang bị kiến thức quản lý giáo dục, phát triển kỹ năng lãnh đạo và quản trị trong môi trường giáo dục đa dạng.	Phát triển kỹ năng lãnh đạo và quản trị giáo dục, khả năng làm việc trong môi trường giáo dục đa dạng.	50	125	Quản lý giáo dục, Lãnh đạo giáo dục	Mahidol University
Thái Lan	Bachelor of Education - Thammasat University	Trang bị kiến thức quản lý giáo dục, phát triển kỹ năng lãnh đạo và quản trị trong môi trường giáo dục đa dạng.	Phát triển kỹ năng lãnh đạo và quản trị giáo dục, khả năng làm việc trong môi trường giáo dục đa dạng.	50	125	Quản lý giáo dục, Lãnh đạo giáo dục	Thammasat University

13. Cấu trúc chương trình đào tạo

A. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của CTĐT (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, kỹ năng bổ trợ): **130** tín chỉ

- **Khối kiến thức chung** (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, kỹ năng bổ trợ): **21** tín chỉ
- **Khối kiến thức theo lĩnh vực:** **23** tín chỉ
 - + Bắt buộc: 20 tín chỉ
 - + Tự chọn: 3 tín chỉ/9tín chỉ
- **Khối kiến thức theo khối ngành:** **16** tín chỉ
 - + Bắt buộc: 7 tín chỉ
 - + Tự chọn: 9 tín chỉ/18 tín chỉ
- **Khối kiến thức theo nhóm ngành:** **18** tín chỉ
 - + Bắt buộc: 9 tín chỉ
 - + Tự chọn: 9 tín chỉ/18 tín chỉ
- **Khối kiến thức ngành:** **52** tín chỉ
 - + Bắt buộc: 21 tín chỉ
 - + Tự chọn chung: 6 tín chỉ/12 tín chỉ

- | | |
|-----------------------------|-----------------------|
| + Tự chọn theo hướng ngành: | 12 tín chỉ/24 tín chỉ |
| + Thực tập và tốt nghiệp: | 13 tín chỉ |

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I.	Khối kiến thức chung (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, kỹ năng bổ trợ)		21				
1	PHI1006	Triết học Mác-Lênin Marxist-Leninist Philosophy	3	42	6	102	
2	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác-Lênin Marxist-Leninist Political Economy	2	28	4	68	
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	2	28	4	68	
4	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	2	28	4	68	
5	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	2	28	4	68	
6	THL1057	Nhà nước và Pháp luật đại cương General State and Law	2	28	4	68	
7	FLF1107	Ngoại ngữ B1 Foreign Language B1	5	75	0	175	
8	EDT2003	Tin học cơ sở Basic of Informatics	3	30	30	90	
9	TMT2100	Kỹ năng bổ trợ Soft skills	3				
10		Giáo dục thể chất Physical Education	4	8	52	0	
11		Giáo dục quốc phòng – an ninh National Defence Education	8				
II	Khối kiến thức theo lĩnh vực		23				
II.1	Các học phần bắt buộc		20				
12	PSE2008	Tâm lí học giáo dục Education Psychology	4	45	30	125	
13	EAM3002	Nhập môn Thống kê ứng dụng trong giáo dục Introduction to Applied Statistics in Education	3	30	30	90	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
14	PSE2004	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục <i>Research Methodology in Education</i>	3	30	30	90	
15	EDM2013	Nhập môn Khoa học quản lý trong giáo dục <i>Introduction to Management Science in Education</i>	2	25	10	65	
16	EDT2001	Nhập môn Công nghệ giáo dục <i>Introduction of Educational Technology</i>	2	25	10	65	
17	EAM2052	Nhập môn Đo lường và đánh giá trong giáo dục <i>Introduction to Measurement and Evaluation in Education</i>	2	25	10	65	
18	TMT3013	Đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục <i>Professional Ethics in Education</i>	4	0	30	170	
II.2	Các học phần tự chọn		3/9				
19	PSE2006	Tư vấn tâm lý học đường <i>Psychological Counseling in Schools</i>	3	40	10	100	
20	PSE2009	Nhập môn Khoa học giáo dục <i>Introduction of Educational Science</i>	3	30	30	90	
21	EDM2002	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo <i>Administrative Management and Management of Education</i>	3	40	10	100	
III	Khối kiến thức theo khối ngành		16				
III.1	Các học phần bắt buộc		9				
22	MNS2064	Hành chính học đại cương <i>General Administrative Science</i>	3	33	24	93	
23	SCA1002	Đại cương về Quản trị trường học <i>Introduction to Educational Administration</i>	3	33	24	93	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
24	SCA1006	Lý thuyết hành chính trong các tổ chức giáo dục <i>Administrative Theories in Educational Organization</i>	3	45	0	105	
III.2	Các học phần tự chọn		7/17				
25	EDM1006	Xã hội học giáo dục <i>Educational Sociology</i>	2	30	0	70	
26	EDM2003	Kinh tế học giáo dục <i>Economics of Education</i>	3	33	24	93	
27	EDM1002	Tư duy thiết kế cho việc lãnh đạo và học tập <i>Design Thinking for Leading and Learning</i>	2	30	0	70	
28	SCA2014	Quản trị truyền thông và quan hệ công chúng trong nhà trường <i>Management of Communications and Public Relations in Schools</i>	3	45	0	105	
29	SCA3013	Giám sát hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường <i>Supervision of Teaching and Educational Activities in Schools</i>	3	33	24	93	
30	SCA1007	Nghiên cứu so sánh hệ thống đa cấp trong quản trị nhà trường <i>Comparative Study of Multilevel Systems in School Administration</i>	2	30	0	70	
31	SCA3035	Xây dựng môi trường giáo dục <i>Building Educational Environment</i>	2	30	0	70	
IV	Khối kiến thức theo nhóm ngành		18				
IV.1	Các học phần bắt buộc		9				
32	SCA2001	Ứng dụng tâm lý học trong quản trị nhà trường <i>Application of Psychology in School Administration</i>	3	33	24	93	
33	EDM2004	Lý luận quản lý và quản lý giáo	3	45	0	105	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		dục <i>Management Theory and Educational Management</i>					
34	SCA2015	Quản trị chương trình nhà trường <i>School Program Administration</i>	3	36	18	96	
IV.2	Các học phần tự chọn		9/18				
35	SCA2004	Quản trị chiến lược trong nhà trường <i>Strategic Management in Schools</i>	3	33	24	93	
36	SCA2006	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường <i>Application of Information Technology in School Administration</i>	3	30	30	90	
37	SCA2008	Xây dựng văn hóa nhà trường <i>Building School Culture</i>	3	30	30	90	
38	SCA2009	Kỹ năng quản trị trường học 1 <i>School Administration Skills 1</i>	3	33	24	93	
39	SCA2010	Kỹ năng quản trị trường học 2 <i>School Administration Skills 2</i>	3	33	24	93	
40	SCA2011	Kỹ năng quản trị trường học 3 <i>School Administration Skills 3</i>	3	33	24	93	
V	Khối kiến thức ngành		52				
V.1	Các học phần bắt buộc		21				
41	SCA3018	Quản trị và phát triển nguồn nhân lực trong nhà trường <i>Human Resource Administration and Development in Schools</i>	3	33	24	93	
42	SCA3019	Quản trị tài chính trong nhà trường <i>Financial Management in Schools</i>	3	33	24	93	
43	SCA3020	Quản trị cơ sở vật chất trong nhà trường <i>School Facility Management</i>	3	33	24	93	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
44	SCA3021	Quản trị chất lượng và trách nhiệm giải trình trong giáo dục <i>Quality Management and Accountability in Education</i>	3	36	20	94	
45	SCA3022	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị trường học <i>Technical English for School Administration</i>	3	45	0	105	
46	SCA3009	Quản trị thương hiệu và Marketing của nhà trường <i>School Brand Management and Marketing</i>	3	33	24	93	
47	SCA3017	Kỹ năng quản trị nhà trường hiệu quả <i>Effective School Management Skills</i>	3	33	24	93	
V.2	Các học phần tự chọn chung		6/12				
48	EDM3009	Huy động cộng đồng phát triển giáo dục <i>Community Mobilizing in Education</i>	3	33	24	93	
49	SCA3010	Lãnh đạo sáng tạo <i>Creative Leadership</i>	3	30	30	90	
50	EDM2006	Hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở pháp lý trong quản lý giáo dục <i>The National Education System and the Legal Basis for Management Education</i>	3	33	24	93	
51	SCA3016	Hệ thống thông tin trong quản trị nhà trường <i>Information System in School Administration</i>	3	33	24	93	
V.3	Các học phần tự chọn riêng (sinh viên chọn 1 trong 3 hướng ngành)		12				
V.3.1	Hướng ngành 1: Quản trị hành chính nhà trường		12/24				
52	SCA3002	Chính sách và thực thi quản trị trường học	3	33	24	93	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>School Governance Policies and Implementation</i>					
53	SCA2012	Kỹ thuật điều hành nhà trường <i>Science of School Administration</i>	3	33	24	93	
54	SCA3033	Quản lý và thực thi văn bản hành chính nhà nước trong lĩnh vực giáo dục <i>Management and Implementation of State Administrative Documents in Education</i>	3	45	0	105	
55	SCA3023	Văn thư lưu trữ trong quản trị trường học <i>Records and Archives Management in School Administration</i>	3	45	0	105	
56	SCA3024	Nghi thức văn phòng và lễ tân <i>Office Protocol and Reception</i>	3	45	0	105	
57	SCA3025	Quản trị tổ chức sự kiện <i>Event Administration and Organization</i>	3	45	0	105	
58	SCA3026	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính <i>Administrative Documents Drafting Skills</i>	3	45	0	105	
59	SCA3027	Truyền thông và xây dựng thương hiệu nhà trường <i>School Communication and Brand Building</i>	3	45	0	105	
V.3.2	Hướng ngành 2: Quản trị nhân lực và đào tạo		12/24				
60	SCA3007	Tư vấn hướng nghiệp trong nhà trường <i>Career Counseling in Schools</i>	3	33	24	93	
61	SCA3008	Quản trị dự án trong trường học <i>Project Administration in Schools</i>	3	33	24	93	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
62	SCA3028	Quản trị phát triển chuyên môn giáo viên <i>Teacher Professional Development Management</i>	3	45	0	105	
63	SCA3029	Tạo động lực trong tổ chức giáo dục <i>Motivation in Educational Organizations</i>	3	45	0	105	
64	SCA3030	Quản trị sự thay đổi trong tổ chức giáo dục <i>Change Management in Educational Organizations</i>	3	45	0	105	
65	SCA3031	Hành vi tổ chức <i>Organizational Behavior</i>	3	45	0	105	
66	EDM3011	Văn hóa tổ chức và truyền thông nội bộ trong trường học <i>Organizational Culture and Internal Communication in Schools</i>	3	45	0	105	
67	EDM3013	Phân tích và quản trị thực hiện công việc <i>Job Analysis and Performance Management</i>	3	45	0	105	
V.3.3	Hướng ngành 3: Phát triển và quản lý chương trình giáo dục		12/24				
68	TMT3009	Lý luận dạy học <i>Teaching Theories</i>	3	30	30	90	PSE2008; PSE2009
69	PSE2005	Tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường <i>Organization of Educational Activities in Schools</i>	3	30	30	90	
70	EDM3014	Thiết kế và phát triển chương trình giảng dạy <i>Curriculum Design and Development</i>	3	45	0	105	
71	EDM3015	Huy động cộng đồng phát triển chương trình giáo dục nhà trường <i>Mobilizing Community for</i>	3	33	24	93	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>School Curriculum Development</i>					
72	EDM3016	Khởi nghiệp trong giáo dục <i>Educational Entrepreneurship</i>	3	45	0	105	
73	EDM3017	Thực thi chương trình giáo dục trong nhà trường <i>Curriculum Implementation in Schools</i>	3	45	0	105	
74	SCA3032	Đánh giá chương trình giáo dục <i>Curriculum Evaluation</i>	3	45	0	105	
75	SCA3034	Phân tích chương trình giáo dục <i>Curriculum analysis</i>	3	30	30	90	
V.4	Thực tập và Tốt nghiệp		13				
76	SCA3050	Thực tập nghiệp vụ 1 <i>Internship 1</i>	3	0	90	60	
77	SCA3051	Thực tập nghiệp vụ 2 <i>Internship 2</i>	4	0	120	80	
78	SCA4003	Khóa luận tốt nghiệp <i>Undergraduate Thesis</i>	6	0	0	300	
	<i>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>		6				
79	SCA4004	Thực hành quản trị trường học <i>School Administration Practice</i>	3	15	60	75	
80	SCA4005	Nghệ vụ Quản lý hành chính trong cơ sở giáo dục <i>Administrative Practices and Management in Educational Institutions</i>	3	30	30	90	
Tổng cộng			130				

Ghi chú:

- Các học phần tự chọn gắn dấu *: Là học phần tự chọn có định hướng.

- Học phần Tiếng Anh B1 là học phần Ngoại ngữ B1 bắt buộc sinh viên phải hoàn thành trong Chương trình đào tạo. Sinh viên có thể sử dụng chứng chỉ B1 các ngoại ngữ khác (theo quy định của ĐHQGHN) để công nhận chuẩn đầu ra./.

14. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình (phụ lục kèm theo)

15. Mô tả tóm tắt các học phần

I. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, kỹ năng bổ trợ)

1. Triết học Mác-Lênin
2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin
3. Chủ nghĩa xã hội khoa học
4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
5. Tư tưởng Hồ Chí Minh
6. Nhà nước và Pháp luật đại cương
7. **Ngoại ngữ B1**
8. Tin học cơ sở (định hướng ứng dụng ICT trong giáo dục)
9. Kỹ năng bổ trợ
10. Giáo dục thể chất
11. Giáo dục quốc phòng – an ninh

II. KHỐI KIẾN THỨC THEO LĨNH VỰC

II.1 Các học phần bắt buộc

12. Tâm lý học giáo dục*
13. Nhập môn Thống kê ứng dụng trong giáo dục
14. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục*
15. Nhập môn Khoa học quản lý trong giáo dục*
16. Nhập môn Công nghệ giáo dục*
17. Nhập môn Đo lường và đánh giá trong giáo dục*
18. Đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục

II.2 Các học phần tự chọn

19. TƯ VẤN TÂM LÝ HỌC ĐƯỜNG

Học phần tư vấn tâm lý học đường cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tư vấn tâm lý và tư vấn tâm lý học đường. Học phần bao gồm các nội dung: khái quát chung về tâm lý học tư vấn; người cán bộ tư vấn tâm lý học đường; kỹ năng tư vấn tâm lý; các khó khăn tâm lý của học sinh và các nội dung tư vấn giáo dục thanh thiếu niên.

20. NHẬP MÔN KHOA HỌC GIÁO DỤC

“Nhập môn khoa học quản lý trong giáo dục” là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành khoa học giáo dục. Môn học được thiết kế với thời lượng 2 tín chỉ và nhằm mục đích cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản, bước đầu tìm hiểu các hoạt động, mô hình, phương pháp quản lý nói chung và quản lý trong giáo dục nói riêng. Môn học được thiết kế theo các nội dung cơ bản sau :Hệ thống khái niệm cơ bản: Quản lý, khoa học quản lý, quản lý giáo dục; Phân biệt hoạt động lãnh đạo, quản lý, quản trị (giáo dục); Lý luận về khoa học quản lý; Những vấn đề cơ bản về quản lý giáo dục; Đổi mới giáo dục và đổi mới quản lý giáo dục trong bối cảnh mới.

21. QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Học phần Quản lý Hành chính Nhà nước và Quản lý Ngành Giáo dục và Đào tạo cung cấp khái niệm về nhà nước, bản chất, chức năng, hình thức tổ chức nhà nước. Giải thích các khái niệm cơ bản về quản lý hành chính nhà nước, phân tích các nguyên tắc, nội dung, quy trình, công cụ và phương pháp thực hiện. Đề cập đến quan điểm, chủ chương, đường lối của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; các nguyên tắc, đặc điểm quản lý, cơ chế tổ chức và nội dung quản lý hành chính nhà nước về giáo dục và đào tạo; các văn bản pháp quy về quản lý ngành giáo dục: Luật giáo dục, Điều lệ nhà trường, cải cách hành chính nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý ngành giáo dục và đào tạo trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

III. KHỐI KIẾN THỨC THEO KHỐI NGÀNH

III.1. Các học phần bắt buộc

22. HÀNH CHÍNH HỌC ĐẠI CƯƠNG

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về hành chính học, bao gồm khái niệm, đặc điểm của hành chính nhà nước; chức năng, nhiệm vụ của bộ máy hành chính nhà nước; các quyết định hành chính và các hình thức kiểm soát hoạt động hành chính nhà nước. Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản để tham gia vào hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

23. ĐẠI CƯƠNG VỀ QUẢN TRỊ TRƯỜNG HỌC

Đại cương về quản trị trường học là một học phần quan trọng trong lĩnh vực giáo dục, nó giúp học sinh hiểu về cách tổ chức và quản lý một trường học hiệu quả. Trong khóa học này, học sinh sẽ tìm hiểu về các nguyên tắc cơ bản của quản trị, quản lý tài nguyên, lập kế

hoạch và thực hiện chương trình giảng dạy. Họ cũng sẽ hiểu về vai trò quan trọng của sự lãnh đạo, giao tiếp, và tương tác xã hội trong việc tạo ra môi trường học tập tốt nhất cho học sinh. Khóa học này cung cấp kiến thức cơ bản và kỹ năng quan trọng cho những người muốn tham gia vào lĩnh vực quản trị trường học và đóng góp vào sự phát triển của giáo dục.

24. LÝ THUYẾT VỀ HÀNH CHÍNH TRONG CÁC TỔ CHỨC GIÁO DỤC

Học phần "Lý thuyết về hành chính trong các tổ chức giáo dục" trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về hành chính học và khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn công tác hành chính trong nhà trường, cơ sở giáo dục. Nội dung chính của học phần bao gồm: những vấn đề cơ bản về nền hành chính nhà nước, thể chế hành chính, cơ cấu tổ chức bộ máy, công vụ và công chức, quy trình ra quyết định hành chính. Đặc biệt, học phần chú trọng phân tích đặc thù của hành chính trong lĩnh vực giáo dục cũng như trang bị các kỹ thuật, nghiệp vụ hành chính cần thiết cho người làm công tác quản lý trong nhà trường. Thông qua các hoạt động học tập và ứng dụng thực tế, người học sẽ nắm vững kiến thức chuyên môn, đồng thời phát triển các kỹ năng như lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm soát công việc hành chính một cách khoa học, hiệu quả. Học phần cũng giúp sinh viên nhận thức sâu sắc về trách nhiệm của bản thân trong việc tuân thủ pháp luật, nâng cao đạo đức nghề nghiệp. Đây là học phần bắt buộc, tạo nền móng quan trọng về kiến thức và kỹ năng hành chính - văn phòng cho sinh viên ngành Quản trị trường học, đáp ứng yêu cầu công việc trong môi trường giáo dục đang ngày càng chuyên nghiệp hóa.

III.2. Các học phần tự chọn

25. XÃ HỘI HỌC GIÁO DỤC

Học phần Xã hội học giáo dục nghiên cứu mối quan hệ giữa giáo dục và xã hội, các vấn đề xã hội của giáo dục như bình đẳng, công bằng, phân hóa xã hội. Phân tích các khía cạnh xã hội của giáo dục như hệ thống giáo dục, cấu trúc xã hội, phân hóa và bình đẳng xã hội, mối quan hệ giữa các thiết chế, xã hội hóa giáo dục. Đặc biệt chú trọng đến thực trạng và đề xuất giải pháp cho các vấn đề xã hội của giáo dục Việt Nam trong bối cảnh đổi mới và hội nhập.

26. KINH TẾ HỌC GIÁO DỤC

Học phần "Kinh tế học giáo dục" cung cấp kiến thức nền tảng về các khái niệm, lý thuyết và mô hình kinh tế liên quan đến lĩnh vực giáo dục. Nội dung bao gồm giới thiệu về lý

thuyết đầu tư vào nguồn nhân lực, phân tích tác động kinh tế của giáo dục đối với cá nhân và xã hội, cũng như tìm hiểu về các mô hình tài chính và cấu trúc ngân sách giáo dục. Học phần cũng đi sâu vào việc giới thiệu các phương pháp phân tích và đánh giá kinh tế trong giáo dục, bao gồm đánh giá hiệu quả đầu tư, tính toán chi phí và lợi ích của các chương trình giáo dục. Học phần cũng bao gồm các nội dung liên quan đến chính sách và quy định kinh tế liên quan đến giáo dục hiện hành.

27. TƯ DUY THIẾT KẾ CHO VIỆC LÃNH ĐẠO VÀ HỌC TẬP

Học phần trang bị cho sinh viên khái niệm và quy trình của Tư duy thiết kế, một phương pháp sáng tạo và giải quyết vấn đề một cách đổi mới và hiệu quả. Sinh viên sẽ được học cách vận dụng Tư duy thiết kế vào lĩnh vực lãnh đạo và học tập, nhằm phát triển năng lực khởi xướng, dẫn dắt và kết nối hướng tới sự đổi mới và phát triển bền vững trong giáo dục. Học phần cũng rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo, làm việc nhóm, thuyết trình ý tưởng cũng như thái độ cởi mở, kiên trì, linh hoạt và tôn trọng nhu cầu của người học - những yếu tố then chốt để vận dụng thành công Tư duy thiết kế và trở thành nhà lãnh đạo, nhà giáo dục hiệu quả trong bối cảnh luôn thay đổi.

28. QUẢN TRỊ TRUYỀN THÔNG VÀ QUAN HỆ CÔNG CHÚNG TRONG NHÀ TRƯỜNG

Học phần trang bị cho người học những khái niệm cơ bản về thương hiệu và vai trò của thương hiệu đối với sự phát triển của nhà trường. Học phần cũng hướng dẫn cách xây dựng nhận diện thương hiệu nhà trường bao gồm logo, slogan, bản sắc thương hiệu. Người học được trang bị kỹ năng phân tích và xây dựng tính cách thương hiệu phù hợp với định hướng phát triển của nhà trường. Ngoài ra, học phần còn chỉ ra cách xây dựng chiến lược nhằm quảng bá và nâng cao giá trị thương hiệu dựa trên các mục tiêu cụ thể. Cuối cùng, học phần đề cập đến cách đo lường hiệu quả của các chiến lược quản trị thương hiệu đã áp dụng nhằm điều chỉnh cho phù hợp.

29. GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG NHÀ TRƯỜNG

Học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành và hình thành kỹ năng tổ chức giám sát hoạt động giáo dục cho sinh viên, hình thành năng lực giám sát hoạt động giáo dục, qua đó góp phần hình thành năng lực quản trị trường học cho sinh viên. Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học môn học còn góp phần hình thành ở sinh viên năng lực đánh giá, năng lực hoạt động xã hội, năng lực làm việc nhóm... Nội dung môn học bao gồm bốn

chương: Những vấn đề chung về giám sát hoạt động giáo dục trong trường học; Nguyên tắc và nội dung giám sát hoạt động giáo dục trong nhà trường; Quy trình và phương thức giám sát hoạt động giáo dục trong nhà trường; Vai trò của hiệu trưởng trong giám sát các hoạt động giáo dục nhà trường.

30. NGHIÊN CỨU SO SÁNH HỆ THỐNG ĐA CẤP TRONG QUẢN TRỊ NHÀ TRƯỜNG

Học phần "Nghiên cứu so sánh hệ thống đa cấp trong quản trị nhà trường/Comparative Study of Multilevel Systems in School Administration" cung cấp kiến thức và kỹ năng cho sinh viên về cách thức các mô hình quản trị đa cấp được áp dụng trong lĩnh vực giáo dục, thông qua việc phân tích và so sánh các hệ thống tại các quốc gia khác nhau. Sinh viên sẽ tìm hiểu về lịch sử, cấu trúc, chính sách và ứng dụng thực tiễn của mô hình đa cấp trong quản lý nhà trường, đồng thời phát triển kỹ năng nghiên cứu, phân tích, và giao tiếp để có thể áp dụng hiệu quả các nguyên lý đã học vào giải quyết các vấn đề trong môi trường giáo dục hiện đại.

31. XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC

"Xây dựng môi trường giáo dục" cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về môi trường giáo dục trong bối cảnh quản trị trường học. Học phần bao gồm bốn chương chính, đi từ tổng quan về môi trường giáo dục đến các yếu tố cấu thành, phương pháp đánh giá và xây dựng môi trường giáo dục tích cực, cũng như quản lý và phát triển môi trường giáo dục trong bối cảnh đổi mới. Thông qua học phần này, sinh viên sẽ hiểu được tầm quan trọng của môi trường giáo dục, có khả năng phân tích các yếu tố ảnh hưởng, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp xây dựng môi trường giáo dục tích cực. Học phần cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng quản lý và phát triển môi trường giáo dục trong bối cảnh đổi mới, đáp ứng yêu cầu của giáo dục hiện đại và hội nhập quốc tế.

IV. Khối kiến thức theo nhóm ngành

IV.1 Các học phần bắt buộc

32. ỨNG DỤNG TÂM LÝ HỌC TRONG QUẢN TRỊ NHÀ TRƯỜNG

Môn học này được thiết kế trên tiếp cận nghiên cứu hành vi của cá nhân, của nhóm trong các cơ sở giáo dục. Người học được trang bị kiến thức nhằm giải thích những cơ sở của hành vi cá nhân và nhóm, những yếu tố chi phối hành vi của con người trong tổ chức; người học làm quen với các tình huống vận dụng những cơ sở lý thuyết vào trong thực tiễn quản lý

và lãnh đạo để phục vụ hiệu quả cho các mục tiêu của cơ sở giáo dục.

33. LÝ LUẬN QUẢN LÝ VÀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Môn học này được thiết kế trên tiếp cận nghiên cứu hành vi của cá nhân, của nhóm trong các cơ sở giáo dục. Người học được trang bị kiến thức nhằm giải thích những cơ sở của hành vi cá nhân và nhóm, những yếu tố chi phối hành vi của con người trong tổ chức; người học làm quen với các tình huống vận dụng những cơ sở lý thuyết vào trong thực tiễn quản lý và lãnh đạo để phục vụ hiệu quả cho các mục tiêu của cơ sở giáo dục.

34. QUẢN TRỊ CHƯƠNG TRÌNH NHÀ TRƯỜNG

Học phần gồm có 4 chương mở đầu là khái quát về chương trình giáo dục và phát triển chương trình giáo dục cũng như các cách tiếp cận phát triển chương trình giáo dục hiện nay nhằm cung cấp cho người học có được kiến thức tổng quan về phát triển chương trình giáo dục. Bên cạnh đó những kiến thức được sắp xếp một cách hệ thống giúp người học có khả năng thiết kế chương trình cho từng môn học cụ thể theo đúng qui trình. Một số vấn đề về phát triển chương trình giáo dục hiện nay cũng góp phần cụ thể hóa kiến thức và phân tích thực trạng về phát triển chương trình giáo dục trong chính ngành học, môn học mà người học sẽ đảm nhiệm.

IV.2 Các học phần tự chọn

35. QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC TRONG NHÀ TRƯỜNG

Đại cương về quản trị trường học" là một học phần quan trọng trong lĩnh vực giáo dục, nó giúp học sinh hiểu về cách tổ chức và quản lý một trường học hiệu quả. Trong khóa học này, học sinh sẽ tìm hiểu về các nguyên tắc cơ bản của quản trị, quản lý tài nguyên, lập kế hoạch và thực hiện chương trình giảng dạy. Họ cũng sẽ hiểu về vai trò quan trọng của sự lãnh đạo, giao tiếp, và tương tác xã hội trong việc tạo ra môi trường học tập tốt nhất cho học sinh. Khóa học này cung cấp kiến thức cơ bản và kỹ năng quan trọng cho những người muốn tham gia vào lĩnh vực quản trị trường học và đóng góp vào sự phát triển của giáo dục.

36. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG QUẢN TRỊ NHÀ TRƯỜNG

Học phần "Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường" dành cho sinh viên đại học ngành Quản trị trường học nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết về ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong công tác quản lý, điều hành nhà trường. Thông qua học phần, sinh viên sẽ hình thành nhận thức về tầm quan trọng của CNTT đối với công tác quản trị nhà trường trong kỷ nguyên số; có khả năng vận dụng các

công cụ, phần mềm để nâng cao hiệu quả công việc, đồng thời định hướng được các giải pháp ứng dụng CNTT tiên tiến nhằm hiện đại hóa công tác quản lý. Học phần cũng giúp sinh viên phát triển các kỹ năng tin học văn phòng, sử dụng thành thạo máy tính và các thiết bị công nghệ trong môi trường làm việc tương lai.

37. XÂY DỰNG VĂN HÓA NHÀ TRƯỜNG

Học phần Xây dựng Văn hóa nhà trường cung cấp khái niệm văn hóa và văn hóa nhà trường, phân tích các cấp độ, chiều đo và thành tố của văn hóa nhà trường. Chương cuối cùng trình bày các bước xây dựng và quản lý văn hóa nhà trường trong bối cảnh toàn cầu hóa, biến nhà trường thành tổ chức học tập và đánh giá văn hóa nhà trường.

38. KỸ NĂNG QUẢN TRỊ TRƯỜNG HỌC 1

Học phần được thiết kế trên cơ sở đánh giá những kỹ năng nghề nghiệp mang tính đặc thù của nhà quản trị nhà trường trong bối cảnh hiện nay. Các kỹ năng tiêu biểu trong đó hướng đến mục tiêu hình thành ở người học một số kỹ năng quản trị trường học: kỹ năng nhận thức về bản thân, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng tạo động lực, kỹ năng giao tiếp, giúp các người học sẵn sàng cho vai trò nhà quản trị trường học trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

39. KỸ NĂNG QUẢN TRỊ TRƯỜNG HỌC 2

Học phần được thiết kế trên cơ sở đánh giá những kỹ năng nghề nghiệp mang tính đặc thù của nhà quản trị nhà trường trong bối cảnh hiện nay. Học phần bao gồm một số kỹ năng quản trị trường học: kỹ năng quản lý sự thay đổi, kỹ năng quản lý stress, kỹ năng quản lý chất lượng giáo dục, kỹ năng ứng xử nơi công sở.

40. KỸ NĂNG QUẢN TRỊ TRƯỜNG HỌC 3

Học phần được thiết kế trên cơ sở đánh giá những kỹ năng nghề nghiệp mang tính đặc thù của nhà quản trị nhà trường trong bối cảnh hiện nay. Học phần bao gồm một số kỹ năng quản trị trường học: kỹ năng phát triển chuyên môn, kỹ năng quản lý xung đột trong nhà trường, kỹ năng quản lý hoạt động dạy học, kỹ năng phát triển chương trình giáo dục nhà trường.

V. Khối kiến thức ngành

V.1 Các học phần bắt buộc

41. QUẢN TRỊ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC TRONG NHÀ TRƯỜNG

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề quản trị nguồn nhân lực theo tiếp cận hiện đại, giới thiệu về thực tiễn phát triển nguồn nhân lực ở một số quốc gia

trên thế giới. Trên cơ sở đó người học có khả năng đánh giá và vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn có liên quan đến vấn đề phát triển nguồn nhân lực tại các cơ sở giáo dục.

42. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TRONG NHÀ TRƯỜNG

Học phần Quản lý Tài chính trong Nhà trường cung cấp các khái niệm cơ bản về tài chính giáo dục, phân tích vai trò của tài chính trong việc thực hiện sứ mạng giáo dục. Đề cập đến nguồn kinh phí cho giáo dục từ ngân sách nhà nước và các khoản đóng góp. Phân tích các chính sách tài trợ và tác động của chúng đến chất lượng giáo dục. Chương cuối tập trung vào các mô hình quản lý tài chính tự chủ trong nhà trường nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

43. QUẢN TRỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT TRONG NHÀ TRƯỜNG

Học phần giới thiệu các chức năng quản lý cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cần thiết để quản lý cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục trong cơ sở giáo dục hiệu quả, bao gồm ba lĩnh vực chủ yếu: quản lý trường học, quản lý thiết bị giáo dục và quản lý thư viện với mục tiêu chung là quản lý vào 3 nội dung cơ bản là: Đầu tư; sử dụng và duy trì, bảo quản. Bên cạnh đó, sinh viên được trao dồi các kỹ năng quản lý về cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục như: xây dựng kế hoạch và lập hồ sơ quản lý hệ thống thiết bị giáo dục, tham mưu- lãnh đạo – chỉ đạo và kiểm tra trong quá trình xây dựng và quản lý cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục ,... Đồng thời, học phần cũng quan tâm hướng dẫn sinh viên phát triển khả năng phân tích các vấn đề trong thực tiễn quản lý cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục cho sát hợp với điều kiện và hoàn cảnh của đơn vị. Hoàn tất học phần, sinh viên sẽ có đủ khả năng dự đoán và giải quyết các vấn đề liên quan đến sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục trong một tổ chức.

44. QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH TRONG GIÁO DỤC

Học phần "Quản trị chất lượng và trách nhiệm giải trình trong giáo dục" cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý chất lượng và trách nhiệm giải trình trong lĩnh vực giáo dục như: Khái niệm và tầm quan trọng của chất lượng trong giáo dục. Các phương thức và hệ thống quản lý chất lượng như TQM, ISO. Công tác tổ chức, đào tạo và xây dựng văn hóa chất lượng. Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và trách nhiệm giải trình xã hội. Thông qua học phần, sinh viên sẽ hình thành nhận thức đúng đắn về vai trò của quản trị

chất lượng và trách nhiệm giải trình đối với sự phát triển bền vững của các cơ sở giáo dục. Đồng thời, sinh viên cũng nắm vững các nguyên tắc, quy trình và công cụ cơ bản để triển khai hoạt động quản lý chất lượng và thực thi trách nhiệm giải trình trong thực tiễn quản lý nhà trường tương lai. Học phần chú trọng trang bị cho người học kỹ năng phân tích, đánh giá và sáng tạo để thiết lập hệ thống quản trị chất lượng phù hợp và hiệu quả. Bên cạnh đó, học phần cũng rèn luyện cho sinh viên ý thức trách nhiệm, tính minh bạch và tinh thần cầu thị - những phẩm chất quan trọng của nhà quản lý giáo dục trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh gay gắt hiện nay.

45. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TRƯỜNG HỌC

Học phần "Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị trường học/Technical English for School Administration" tập trung vào việc phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành trong lĩnh vực quản trị giáo dục. Nội dung học bao gồm việc mở rộng vốn từ vựng chuyên ngành, cải thiện cấu trúc câu và kỹ năng ngôn ngữ cần thiết cho việc soạn thảo văn bản chuyên nghiệp, giao tiếp và trình bày trong các tình huống quản trị nhà trường. Khóa học cũng nhấn mạnh việc ứng dụng thực tiễn tiếng Anh thông qua các tài liệu, tình huống mô phỏng và bối cảnh thực tế, giúp người học nâng cao khả năng giao tiếp và xử lý công việc chuyên môn bằng tiếng Anh trong môi trường giáo dục đa văn hóa.

46. QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU VÀ MARKETING TRONG NHÀ TRƯỜNG

Học phần trang bị cho người học những khái niệm cơ bản về thương hiệu và vai trò của thương hiệu đối với sự phát triển của nhà trường. Học phần cũng hướng dẫn cách xây dựng nhận diện thương hiệu nhà trường bao gồm logo, slogan, bản sắc thương hiệu. Người học được trang bị kỹ năng phân tích và xây dựng tính cách thương hiệu phù hợp với định hướng phát triển của nhà trường. Ngoài ra, học phần còn chỉ ra cách xây dựng chiến lược nhằm quảng bá và nâng cao giá trị thương hiệu dựa trên các mục tiêu cụ thể. Cuối cùng, học phần đề cập đến cách đo lường hiệu quả của các chiến lược quản trị thương hiệu đã áp dụng nhằm điều chỉnh cho phù hợp.

47. KỸ NĂNG QUẢN TRỊ NHÀ TRƯỜNG HIỆU QUẢ

Học phần được thiết kế trên cơ sở đánh giá những kỹ năng nghề nghiệp mang tính đặc thù của nhà quản trị nhà trường trong bối cảnh hiện nay. Sau kỹ năng được lựa chọn khá tiêu biểu sắp xếp trong 5 chương của toàn bộ nội dung học phần trong đó hướng đến mục tiêu

hình thành ở người học kỹ năng lãnh đạo và quản lý, quản trị nhân sự, tài chính đặc biệt kỹ năng tạo ấn tượng bản thân và quản lý rủi ro giúp các người học sẵn sàng cho vai trò nhà quản trị trường học trong bối cảnh đổi mới hiện nay.

V.2 Các học phần tự chọn chung

48. HUY ĐỘNG CỘNG ĐỒNG PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC

Học phần gồm có 4 chương mở đầu là khái quát về huy động cộng đồng xã hội cũng như các cách tiếp cận huy động cộng đồng xã hội hiện nay nhằm cung cấp cho người học có được kiến thức tổng quan về huy động cộng đồng xã hội phát triển giáo dục. Bên cạnh đó những kiến thức được sắp xếp một cách hệ thống giúp người học có khả năng huy động cộng đồng xã hội theo đúng qui trình. Một số vấn đề về huy động cộng đồng xã hội hiện nay cũng góp phần cụ thể hóa kiến thức và phân tích thực trạng về huy động cộng đồng xã hội tại cơ sở giáo dục, địa phương người học sẽ đảm nhiệm.

49. LÃNH ĐẠO SÁNG TẠO

Học phần Lãnh đạo Sáng tạo trình bày các khái niệm cơ bản về sáng tạo và phân loại các hình thức sáng tạo. Phân tích các đặc điểm của trường học sáng tạo về phong cách lãnh đạo, phát triển năng lực sáng tạo cho giáo viên và học sinh, tổ chức các hoạt động dạy học. Chương cuối đề cập đến vai trò của lãnh đạo trong xây dựng tầm nhìn, chiến lược và môi trường thuận lợi cho phát triển nhà trường sáng tạo.

50. HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ TRONG QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Học phần trình bày các nội dung cơ bản về việc hình thành và phát triển HTGDQD của một nước; chỉ ra được các yếu tố tác động lên việc hình thành và phát triển HTGDQD của một nước. Cấu trúc chung của một hệ thống GD và cấu trúc của HTGDQD Việt Nam; các thiết chế giáo dục trong HTGDQD và đặc điểm của chúng. Học phần cũng mô tả bộ máy QLGD của Việt Nam với các bộ phận và mối quan hệ giữa chúng. Từ các văn bản pháp lý hiện hành, chỉ rõ vai trò, nhiệm vụ của các bộ phận trong bộ máy QLGD ở Việt Nam.

51. HỆ THỐNG THÔNG TIN TRONG QUẢN TRỊ NHÀ TRƯỜNG

Học phần cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về thông tin và hệ thống thông tin quản lý. Học phần trình bày về các đặc trưng, cách đo lường và tổ chức quá trình thông tin; khái niệm, tính chất và đặc trưng của hệ thống thông tin quản lý cũng như thiết kế,

triển khai hệ thống này trong thực tế. Học phần cũng đề cập đến vấn đề truyền thông trong quản lý, các thành phần, tiến trình truyền thông cũng như tổ chức quá trình truyền thông. Cuối cùng, học phần tập trung vào vấn đề xây dựng hệ thống thông tin quản lý riêng cho lĩnh vực giáo dục, bao gồm nguồn thông tin, nội dung thông tin, cách thu thập, xử lý và biểu diễn thông tin trong hệ thống này.

V.3 Các học phần tự chọn riêng

V.3.1 Hướng ngành 1: Quản trị hành chính nhà trường

52. CHÍNH SÁCH VÀ THỰC THI QUẢN TRỊ TRƯỜNG HỌC

Học phần "Chính sách và thực thi quản trị trường học" cung cấp cho sinh viên ngành Quản trị trường học những kiến thức và kỹ năng cần thiết về hoạch định, triển khai, giám sát và đánh giá các chính sách quản trị trong môi trường giáo dục. Nội dung chính của học phần bao gồm: các khái niệm và nguyên tắc cơ bản trong xây dựng và thực thi chính sách giáo dục; quy trình hoạch định chính sách gồm xác định vấn đề, thu thập thông tin, phân tích lựa chọn giải pháp, tham vấn và quyết định chính sách; lập kế hoạch, bố trí nguồn lực và tổ chức thực hiện chính sách; phương pháp và công cụ giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách trong trường học. Thông qua học phần, sinh viên sẽ có khả năng nhận diện và phân tích các vấn đề thực tiễn của nhà trường, từ đó vận dụng quy trình và kỹ thuật để xây dựng các chính sách quản trị phù hợp và khả thi. Đồng thời, sinh viên cũng được thực hành các kỹ năng như tổ chức triển khai, truyền thông, kiểm tra giám sát, đánh giá tác động và điều chỉnh chính sách dựa trên thông tin phản hồi từ các bên liên quan.

53. KỸ THUẬT ĐIỀU HÀNH NHÀ TRƯỜNG

Học phần Kỹ Thuật Điều Hành Nhà Trường tập trung vào việc cung cấp kiến thức và kỹ năng quản lý cần thiết cho việc điều hành một nhà trường một cách hiệu quả. Nội dung học phần bao gồm việc hiểu về quản lý chiến lược, lý thuyết và mô hình quản lý giáo dục, các yếu tố tác động đến quản lý chiến lược, phân tích và đánh giá môi trường trường học, xây dựng kế hoạch chiến lược, thực hiện và đánh giá hiệu quả của chiến lược. Đồng thời, học viên cũng phát triển thái độ tích cực, chủ động trong học tập và công việc, cùng với tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp cần thiết cho một quản trị viên giáo dục. Học phần này nhằm giúp học viên trang bị những kỹ thuật quản lý và kiến thức cơ bản để đảm bảo rằng hoạt động của trường học diễn ra một cách hiệu quả và mang lại giá trị cho học sinh và cộng đồng giáo dục.

54. QUẢN LÝ VÀ THỰC THI VĂN BẢN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH

VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ sở ngành về tổ chức quá trình giáo dục ở nhà trường phổ thông, góp phần hình thành năng lực quản trị trường học. Nội dung học phần gồm năm chương: Những vấn đề cơ bản về tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường; Nội dung giáo dục ở nhà trường phổ thông; Các loại hình và phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục; Quy trình tổ chức hoạt động giáo dục. Một số kỹ năng hỗ trợ tổ chức hoạt động giáo dục hiệu quả.

55. VĂN THƯ LƯU TRỮ TRONG QUẢN TRỊ TRƯỜNG HỌC

Học phần được thiết kế với thời lượng 3 tín chỉ và nhằm mục đích cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về hoạt động văn thư, lưu trữ trong quản trị nhà trường. Phát triển ở sinh viên hệ thống kỹ năng tổ chức, quản lý văn bản như thiết lập văn bản, quản lý văn bản đi và văn bản đến, quản lý con dấu. Từ đó chủ động thích ứng trước yêu cầu lao động khoa học của công tác văn thư lưu trữ trong nhà trường.

56. NGHI THỨC VĂN PHÒNG VÀ LỄ TÂN

Học phần "Nghi thức văn phòng và lễ tân" cung cấp cho sinh viên ngành Quản trị trường học những kiến thức cơ bản và kỹ năng thực hành về nghiệp vụ văn phòng và lễ tân trong các cơ sở giáo dục. Nội dung học phần bao gồm: tổng quan về văn phòng và lễ tân văn phòng; đổi mới và hiện đại hóa công tác văn phòng; các nghiệp vụ cụ thể như tiếp đón khách, giao tiếp qua điện thoại, sắp xếp vị trí, tặng quà, tặng hoa và tổ chức các loại hình tiệc. Thông qua học phần, sinh viên sẽ nắm vững các nguyên tắc và yêu cầu đối với nhân viên văn phòng trong trường học, có khả năng vận dụng kiến thức để xây dựng văn phòng hiện đại và thực hiện tốt các nhiệm vụ lễ tân, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và hình ảnh chuyên nghiệp của nhà trường.

57. QUẢN TRỊ TỔ CHỨC SỰ KIỆN

Học phần "Quản trị tổ chức sự kiện/Event Administration and Organization" bao gồm việc học các khái niệm cơ bản và nâng cao trong quản trị sự kiện, từ lập kế hoạch, tổ chức, đến thực thi và đánh giá các sự kiện. Nội dung khóa học đề cập đến các phần như phân tích mục tiêu sự kiện, lập và quản lý ngân sách, quản lý rủi ro, quản lý nhân sự, tiếp thị và quảng bá, cũng như ứng dụng công nghệ trong tổ chức sự kiện. Ngoài ra, khóa học cũng khám phá các loại sự kiện khác nhau và phương pháp quản lý phù hợp với mỗi loại, đồng thời phát triển các kỹ năng mềm như giải quyết vấn đề, giao tiếp và lãnh đạo, cần thiết cho

việc quản lý sự kiện hiệu quả.

58. KỸ NĂNG SOẠN THẢO VĂN BẢN HÀNH CHÍNH

Học phần "Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính" trang bị cho sinh viên ngành Quản trị trường học những kiến thức cơ bản về văn bản, kỹ thuật và quy trình soạn thảo văn bản hành chính. Nội dung chính của học phần gồm: khái quát chung về văn bản, phân biệt văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hành chính; các thành phần thể thức và quy định về trình bày văn bản; quy trình và phương pháp soạn thảo một số văn bản hành chính cụ thể. Thông qua học phần, sinh viên sẽ có khả năng soạn thảo thành thạo trên giấy và trên máy tính các loại văn bản hành chính đúng thể thức, sử dụng ngôn ngữ đúng văn phong hành chính công vụ. Đây là những kỹ năng quan trọng giúp người quản trị trường học thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ trong công tác hành chính văn phòng tại các cơ sở giáo dục.

59. TRUYỀN THÔNG VÀ XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU NHÀ TRƯỜNG

Học phần trang bị cho người học những khái niệm cơ bản về thương hiệu và vai trò của thương hiệu đối với sự phát triển của nhà trường. Học phần cũng hướng dẫn cách xây dựng nhận diện thương hiệu nhà trường bao gồm logo, slogan, bản sắc thương hiệu. Người học được trang bị kỹ năng phân tích và xây dựng tính cách thương hiệu phù hợp với định hướng phát triển của nhà trường. Ngoài ra, học phần còn chỉ ra cách xây dựng chiến lược nhằm quảng bá và nâng cao giá trị thương hiệu dựa trên các mục tiêu cụ thể. Cuối cùng, học phần đề cập đến cách đo lường hiệu quả của các chiến lược quản trị thương hiệu đã áp dụng nhằm điều chỉnh cho phù hợp.

V.3.2 Hướng ngành 2: Quản trị nhân lực và đào tạo

60. TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP TRONG NHÀ TRƯỜNG

Học phần Tư vấn hướng nghiệp trong nhà trường cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận và thực hành tư vấn hướng nghiệp trong nhà trường; trang bị kỹ năng giao tiếp, thiết lập mối quan hệ, phân tích, đánh giá năng lực và sở thích của học sinh; giới thiệu các phương pháp và kỹ thuật tư vấn hướng nghiệp hiệu quả. Qua đó, người học có thể tư vấn, hướng dẫn học sinh nhận diện đúng khả năng, sở trường của bản thân, định hướng được con đường nghề nghiệp phù hợp với năng lực và đam mê của các em sau này.

61. QUẢN TRỊ DỰ ÁN TRONG NHÀ TRƯỜNG

Học phần "Quản trị dự án trong nhà trường" cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản, thiết yếu để quản trị các dự án giáo dục tại nhà trường. Học phần bao gồm những kiến

thức nền tảng về khái niệm, đặc điểm, vai trò của dự án giáo dục; các giai đoạn và quy trình quản trị dự án trong nhà trường; cách xây dựng đề xuất, lập kế hoạch cho dự án; cách sử dụng các công cụ và kỹ thuật để quản trị thời gian, chi phí, nguồn lực, rủi ro của dự án; cách giám sát tiến độ và đánh giá kết quả thực hiện dự án.

62. QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN CHUYÊN MÔN GIÁO VIÊN

Học phần "Quản trị phát triển chuyên môn giáo viên" cung cấp cho sinh viên ngành Quản trị trường học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá các hoạt động phát triển chuyên môn cho đội ngũ giáo viên tại các cơ sở giáo dục. Nội dung chính của học phần bao gồm: tổng quan về phát triển chuyên môn trong nhà trường; quy trình lập kế hoạch, chỉ đạo thực hiện, giám sát và kiểm tra hoạt động phát triển chuyên môn giáo viên; ứng dụng công nghệ số trong hoạt động này. Thông qua học phần, sinh viên sẽ có khả năng phân tích nhu cầu, xây dựng và triển khai các chương trình phát triển chuyên môn phù hợp; khai thác hiệu quả các nguồn lực; áp dụng các giải pháp số hoá trong phát triển chuyên môn giáo viên. Đồng thời, sinh viên cũng được rèn luyện các kỹ năng tư vấn, hỗ trợ giáo viên xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển nghề nghiệp của bản thân, qua đó góp phần xây dựng một đội ngũ nhà giáo chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

63. TẠO ĐỘNG LỰC TRONG TỔ CHỨC GIÁO DỤC

Học phần "Tạo động lực trong tổ chức giáo dục" cung cấp cho sinh viên ngành Quản trị trường học những kiến thức cơ bản và kỹ năng cần thiết để xây dựng, duy trì và phát huy động lực làm việc cho đội ngũ giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục. Nội dung chính của học phần bao gồm: các lý thuyết nền tảng về động lực làm việc; các yếu tố ảnh hưởng đến động lực như văn hóa tổ chức, phong cách lãnh đạo, đặc điểm công việc, cơ hội thăng tiến và phát triển; các biện pháp và công cụ tạo động lực hiệu quả như truyền thông, công nhận, khen thưởng, phúc lợi, cân bằng cuộc sống-công việc. Thông qua học phần, sinh viên sẽ có khả năng đánh giá thực trạng động lực làm việc, xác định nhu cầu và mong muốn của nhân viên, từ đó đề xuất và triển khai các biện pháp tạo động lực phù hợp với đặc thù của tổ chức và có sự tham gia của các bên liên quan. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển các kỹ năng mềm như giao tiếp, lắng nghe, thấu hiểu, truyền lửa và chia sẻ tầm nhìn - những yếu tố then chốt trong tạo động lực.

64. QUẢN TRỊ SỰ THAY ĐỔI TRONG TỔ CHỨC GIÁO DỤC

Học phần "Quản trị sự thay đổi trong tổ chức giáo dục" cung cấp cho sinh viên ngành

Quản trị trường học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để nhận diện, lãnh đạo và quản lý sự thay đổi trong các cơ sở giáo dục. Nội dung chính của học phần gồm: các vấn đề cơ bản về sự thay đổi như khái niệm, nguyên nhân, sự cần thiết, cách nhận biết và phản ứng trước sự thay đổi; phương pháp dự báo sự thay đổi trong giáo dục và đào tạo; quy trình quản lý sự thay đổi trong trường học từ khâu xác định nhu cầu, xây dựng và triển khai kế hoạch đến kiểm tra, đánh giá việc thực hiện. Thông qua học phần, sinh viên sẽ phát triển tư duy phản biện, năng lực giải quyết vấn đề, kỹ năng lãnh đạo và tổ chức thay đổi. Từ đó, sinh viên có thể chủ động thích ứng, linh hoạt ứng phó với những biến động của môi trường giáo dục trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, hướng tới phát triển giáo dục bền vững.

65. HÀNH VI TỔ CHỨC

Học phần "Hành vi tổ chức" trang bị cho sinh viên ngành Quản trị trường học kiến thức cơ bản về hành vi của cá nhân và nhóm trong môi trường tổ chức giáo dục.

Nội dung chính của học phần bao gồm: nghiên cứu các yếu tố cá nhân và văn hóa ảnh hưởng đến hiệu suất làm việc; phân tích quá trình nhận thức, thái độ và hành vi học tập của cá nhân; tìm hiểu các mô hình và kỹ thuật đánh giá hiệu suất làm việc, cũng như hệ thống khen thưởng trong tổ chức giáo dục. Thông qua học phần, sinh viên sẽ có khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề nảy sinh liên quan đến hành vi cá nhân và nhóm, thúc đẩy thái độ tích cực và hiệu suất công việc trong nhà trường. Đồng thời, sinh viên cũng được rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề và thái độ tôn trọng sự đa dạng của các thành viên trong tổ chức. Đây là một học phần quan trọng, giúp người học hiểu sâu hơn về yếu tố con người - nhân tố then chốt quyết định sự phát triển bền vững của các tổ chức giáo dục trong bối cảnh hiện nay.

66. VĂN HOÁ TỔ CHỨC VÀ TRUYỀN THÔNG NỘI BỘ TRONG TRƯỜNG HỌC

Học phần "Văn hóa tổ chức và truyền thông nội bộ trong trường học" cung cấp cho sinh viên ngành Quản trị trường học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để xây dựng và phát triển văn hóa tổ chức tích cực gắn liền với hoạt động truyền thông nội bộ hiệu quả trong môi trường giáo dục. Nội dung chính của học phần bao gồm: khái niệm và tầm quan trọng của văn hóa tổ chức và truyền thông nội bộ trong trường học; các thành tố và mô hình xây dựng văn hóa tổ chức tích cực; các kênh, công cụ và phương pháp truyền thông nội bộ hiện đại nhằm tạo dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa các thành viên. Thông qua học phần,

sinh viên sẽ có khả năng phân tích, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp phát triển văn hóa nhà trường gắn với truyền thông nội bộ, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động và sức cạnh tranh của đơn vị. Đồng thời, sinh viên cũng được rèn luyện các kỹ năng mềm như giao tiếp, giải quyết xung đột, làm việc nhóm và ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác truyền thông.

67. PHÂN TÍCH VÀ QUẢN TRỊ CÔNG VIỆC

Học phần "Phân tích và quản trị thực hiện công việc/Job Analysis and Performance Management" cung cấp một cái nhìn toàn diện về cách tiến hành phân tích công việc và quản lý hiệu suất trong tổ chức. Nội dung của học phần bao gồm việc học cách xác định và phân tích các nhiệm vụ, trách nhiệm, và yêu cầu kỹ năng cần thiết cho từng vị trí công việc, cung cấp một nền tảng vững chắc để phát triển mô tả công việc và tiêu chuẩn hiệu suất. Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức để thiết lập các mục tiêu và tiêu chuẩn hiệu suất công việc, và học cách đánh giá hiệu suất dựa trên những tiêu chuẩn đó thông qua các phương pháp đánh giá khách quan và hiệu quả. Học phần cũng nhấn mạnh việc sử dụng thông tin thu được từ phân tích công việc và đánh giá hiệu suất để hỗ trợ việc ra quyết định trong quản lý nhân sự, bao gồm phát triển, đào tạo, và quản lý sự nghiệp của nhân viên. Ngoài ra, sinh viên sẽ học cách giao tiếp hiệu quả kết quả đánh giá và phát triển kỹ năng lãnh đạo cần thiết để thúc đẩy và duy trì sự tham gia và đóng góp tích cực của nhân viên vào mục tiêu chung của tổ chức.

V.3.3 Hướng ngành 3: Phát triển và quản lý chương trình giáo dục

68. LÝ LUẬN DẠY HỌC

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về lý luận dạy học. Từ đó, học phần góp phần hình thành cho sinh viên năng lực đánh giá, xây dựng kế hoạch và quản lý hoạt động dạy học trong công tác quản trị trường học tương lai. Nội dung học phần được cấu trúc thành 5 chương: Lý luận dạy học hiện đại với tư cách là một khoa học; Mục tiêu, nguyên tắc, nội dung dạy học; Phương pháp và kỹ thuật dạy học trong điều kiện đổi mới giáo dục; Hình thức tổ chức dạy học hiện đại; Vấn đề đánh giá kết quả học tập trong dạy học hiện đại.

69. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG NHÀ TRƯỜNG

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ sở ngành về tổ chức quá trình giáo dục ở nhà trường phổ thông, góp phần hình thành năng lực quản trị trường học. Nội dung học phần

gồm năm chương: Những vấn đề cơ bản về tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường; Nội dung giáo dục ở nhà trường phổ thông; Các loại hình và phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục; Quy trình tổ chức hoạt động giáo dục. Một số kỹ năng hỗ trợ tổ chức hoạt động giáo dục hiệu quả.

70. THIẾT KẾ VÀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

Học phần "Thiết kế và phát triển chương trình giảng dạy" trang bị cho sinh viên ngành Quản trị trường học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thiết kế, tổ chức thực hiện và đánh giá chương trình giảng dạy ở các cơ sở giáo dục. Nội dung chính của học phần bao gồm: những vấn đề chung về vai trò, tầm quan trọng và các lực lượng tham gia thiết kế và phát triển chương trình giảng dạy; các yêu cầu và quy trình thiết kế chương trình giảng dạy; lập kế hoạch, xây dựng môi trường và tổ chức các hoạt động dạy học; mục đích, các bước và phương pháp đánh giá chương trình giảng dạy. Thông qua học phần, sinh viên sẽ có khả năng vận dụng kiến thức để xây dựng và triển khai chương trình giảng dạy cho một môn học, bài học hay chủ đề cụ thể, từ đó góp phần nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường. Đồng thời, sinh viên cũng được rèn luyện các kỹ năng như lập kế hoạch, tổ chức hoạt động, đánh giá, và khả năng huy động sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình phát triển chương trình.

71. HUY ĐỘNG CỘNG ĐỒNG PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Học phần gồm có 4 chương mở đầu là khái quát về huy động cộng đồng xã hội cũng như các cách tiếp cận huy động cộng đồng xã hội hiện nay nhằm cung cấp cho người học có được kiến thức tổng quan về huy động cộng đồng xã hội phát triển giáo dục. Bên cạnh đó những kiến thức được sắp xếp một cách hệ thống giúp người học có khả năng huy động cộng đồng xã hội theo đúng qui trình. Một số vấn đề về huy động cộng đồng xã hội hiện nay cũng góp phần cụ thể hóa kiến thức và phân tích thực trạng về huy động cộng đồng xã hội tại cơ sở giáo dục, địa phương người học sẽ đảm nhiệm.

72. KHỞI NGHIỆP TRONG GIÁO DỤC

Khởi nghiệp trong giáo dục là học phần cung cấp cho sinh viên hiểu biết về tiềm năng phát triển, thiết lập các giá trị từ các loại hình dịch vụ giáo dục; một số mô hình khởi nghiệp trong giáo dục; đặc điểm, yêu cầu của nhà khởi nghiệp và yêu cầu

của hoạt động khởi nghiệp trong lĩnh vực giáo dục. Từ đó, sinh viên phát triển kỹ năng, vận dụng xây dựng dự án khởi nghiệp trong lĩnh vực giáo dục, hình thành và phát triển tư duy khoa học, sáng tạo, tích cực học hỏi để tương lai sẵn sàng và đóng góp vào sự phát triển của giáo dục.

73. THỰC THI CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TRONG NHÀ TRƯỜNG

Học phần "Thực thi chương trình giáo dục trong nhà trường" cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cần thiết để vận dụng và triển khai chương trình giáo dục trong bối cảnh thực tế của các cơ sở giáo dục. Thông qua học phần này, người học sẽ hiểu được vai trò của việc thực hiện chương trình giáo dục, nắm vững các giai đoạn và điều kiện cần thiết để triển khai chương trình hiệu quả. Học phần cũng trang bị cho người học kỹ năng tổ chức môi trường giáo dục phù hợp, huy động các nguồn lực cần thiết, và ứng dụng công nghệ số trong quá trình thực hiện chương trình. Đặc biệt, học phần chú trọng đến việc phát triển khả năng thích ứng của người học với các thay đổi từ chính sách và thực tiễn trong quá trình thực hiện chương trình giáo dục.

74. ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

Học phần "Đánh giá chương trình giáo dục" cung cấp cho người học kiến thức cơ bản và kỹ năng thực hành về đánh giá chương trình giáo dục. Thông qua học phần này, người học sẽ hiểu được các quan điểm khác nhau về đánh giá chương trình giáo dục, nắm vững các hình thức và giai đoạn đánh giá, cũng như vai trò của các bên liên quan trong quá trình đánh giá. Học phần cũng giới thiệu các mô hình đánh giá chương trình giáo dục phổ biến và hướng dẫn cách áp dụng vào thực tiễn đánh giá tại các cơ sở giáo dục từ mầm non đến đại học.

Đặc biệt, học phần chú trọng phát triển kỹ năng thực hành đánh giá chương trình giáo dục, giúp người học có thể vận dụng kiến thức để đánh giá chương trình tại các cơ sở giáo dục cụ thể. Ngoài ra, học phần cũng khuyến khích người học chủ động tham gia và hỗ trợ các hoạt động đánh giá chương trình, đồng thời tự rèn

luyện năng lực đánh giá để đáp ứng yêu cầu công việc trong tương lai.

75. PHÂN TÍCH CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

Học phần "Đánh giá chương trình giáo dục" cung cấp cho người học kiến thức cơ bản và kỹ năng thực hành về đánh giá chương trình giáo dục. Thông qua học phần này, người học sẽ hiểu được các quan điểm khác nhau về đánh giá chương trình giáo dục, nắm vững các hình thức và giai đoạn đánh giá, cũng như vai trò của các bên liên quan trong quá trình đánh giá. Học phần cũng giới thiệu các mô hình đánh giá chương trình giáo dục phổ biến và hướng dẫn cách áp dụng vào thực tiễn đánh giá tại các cơ sở giáo dục từ mầm non đến đại học.

Đặc biệt, học phần chú trọng phát triển kỹ năng thực hành đánh giá chương trình giáo dục, giúp người học có thể vận dụng kiến thức để đánh giá chương trình tại các cơ sở giáo dục cụ thể. Ngoài ra, học phần cũng khuyến khích người học chủ động tham gia và hỗ trợ các hoạt động đánh giá chương trình, đồng thời tự rèn luyện năng lực đánh giá để đáp ứng yêu cầu công việc trong tương lai.

V.4. Thực tập và tốt nghiệp

76. THỰC TẬP NGHIỆP VỤ 1

77. THỰC TẬP NGHIỆP VỤ 2

78. KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

79. THỰC HÀNH QUẢN TRỊ TRƯỜNG HỌC (Học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp)

Học phần bao gồm hai nội dung: (1) thực hành các kỹ năng chuyên môn: kỹ năng quản trị hành chính, quản trị nhân sự, quản trị cơ sở vật chất, kết nối và huy động các lực lượng xã hội tham gia phát triển nhà trường; (2) thực hành kỹ năng hỗ trợ: kỹ năng giao tiếp, quản lý ấn tượng, thích ứng với thay đổi.

80. NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC (Học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp)

Học phần "Nghiệp vụ quản lý hành chính trong cơ sở giáo dục" nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động quản lý hành chính trong nhà trường, bao gồm: các khái niệm, nguyên tắc, nội dung công tác quản lý hành chính nhà trường; các kỹ năng

cần thiết như kỹ năng giao tiếp, điều hành cuộc họp, soạn thảo văn bản; kiến thức về các quy định của pháp luật liên quan đến quản lý hành chính trường học; quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá các hoạt động quản lý hành chính. Học phần giúp sinh viên vận dụng lý thuyết vào thực tiễn công tác quản lý tại các cơ sở giáo dục.

16. Tiến trình đào tạo

Thời gian thực hiện chương trình: 4 năm, Lịch trình cụ thể cho từng phần học:

STT	Công việc chính	Thời gian thực hiện
I	Học kỳ I	
1	Nhập học	Tháng 9 hàng năm
2	Tổ chức dạy học các học phần học kỳ I trong chương trình đào tạo	Tháng thứ 1 đến tháng thứ 6 của khóa học
II	Học kỳ II	
1	Học các học phần học kỳ II trong chương trình đào tạo	Tháng thứ 7 đến tháng thứ 12 của khóa học
III	Học kỳ III (năm thứ hai)	
1	Học các học phần học kỳ III trong chương trình đào tạo	Tháng thứ 13 đến tháng thứ 18 của khóa học
IV	Học kỳ IV	
1	Học các học phần học kỳ IV trong chương trình đào tạo	Tháng thứ 19 đến tháng thứ 24 của khóa học
V	Học kỳ V (năm thứ ba)	
1	Học các học phần học kỳ V trong chương trình đào tạo	Tháng thứ 25 đến tháng thứ 30 của khóa học
VI	Học kỳ VI	
1	Học các học phần học kỳ VI trong chương trình đào tạo	Tháng thứ 30 đến tháng thứ 35 của khóa học
2	Thực tập nghiệp vụ đợt 1	
VII	Học kỳ VII (năm thứ tư)	
1	Học các học phần học kỳ VII trong chương trình đào tạo	Tháng thứ 36 đến tháng thứ 41 của khóa học
VIII	Học kỳ VIII	
1	Thực tập nghiệp vụ đợt 2	
2	Khóa luận tốt nghiệp/Học các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	Tháng thứ 42 đến tháng thứ 47 của khóa học
3	Các thủ tục hoàn thành khóa học, cấp bằng cử nhân	Sau khi hoàn thành khóa

		học theo qui định của nhà trường
--	--	----------------------------------

17. Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh theo CTĐT được ban hành năm 2019 (Quyết định số 3319/QĐ-ĐHGD, ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Giáo dục).

18. Các quy định về kiểm tra đánh giá, phương pháp giảng dạy

a. Kiểm tra đánh giá

Kiểm tra - đánh giá kết quả học tập là một khâu trong quy trình đào tạo và là khâu đột phá để nâng cao chất lượng giảng dạy của chương trình đào tạo. Chính vì vậy, việc triển khai, quản lý hoạt động kiểm tra – đánh giá kết quả môn học được thực hiện chặt chẽ, đúng quy trình, đã có sự tham gia phối hợp của giảng viên, tổ bộ môn và Phòng ĐT&CTSV, đảm bảo được tính chất nghiêm túc, khách quan và công bằng.

Việc thực hiện kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thực hiện trong suốt quá trình học tập cho đến khi tốt nghiệp. Các hình thức, tiêu chí kiểm tra đánh giá kết quả môn học phải công được bố công khai ngay từ khi bắt đầu dạy môn học. Áp dụng triệt để quan điểm đánh giá thường xuyên, liên tục, đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ, đảm bảo cho học viên có thể chủ động lập kế hoạch học tập, theo dõi và quản lý được sự tiến bộ của chính mình trong quá trình học tập. Với phương pháp và hình thức kiểm tra - đánh giá quá trình, đánh giá được người học về mặt kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành áp dụng và giải quyết vấn đề. Kết quả kiểm tra đánh giá được phản hồi kịp thời tới người học.

Đánh giá việc hoàn thành môn học được thực hiện dưới hình thức tiểu luận hoặc thi hết môn; dù hình thức nào thì chủ yếu hướng vào mục tiêu đánh giá khả năng thực hiện (Performance Assessment).

Khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế khóa luận tốt là một trong những hình thức đánh giá kết thúc khóa học của chương trình cử nhân quản trị trường học theo học chế tín chỉ.

Mục đích của kiểm tra đánh giá không chỉ để xác nhận kết quả học tập của sinh viên mà còn thúc đẩy và hỗ trợ việc học của sinh viên. Do đó, cần áp dụng phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng và có tính liên tục, bao gồm kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ. Kiểm tra đánh giá thường xuyên được sử dụng như một phương pháp dạy học và được thực hiện trong suốt quá trình dạy học; điểm môn học không dựa chủ yếu vào bài kiểm tra/thi cuối cùng mà là sự kết hợp điểm của các hình thức KT/ĐG thường xuyên. Tỷ trọng của các bài KT-ĐG được qui định theo đề cương từng học phần: kiểm tra thường xuyên chiếm 20-25%, kiểm tra giữa kỳ 20-25%, điểm đánh giá cuối môn học 50-60%.

b. Phương pháp giảng dạy

Áp dụng phương pháp dạy học tích cực để phát huy vai trò của giảng viên, tính chủ động, sáng tạo của sinh viên trong học tập, nghiên cứu; khuyến khích học tập khám phá của sinh viên vào việc phát hiện vấn đề, giải quyết vấn đề; Chú trọng sự tương tác trong quá trình học tập, nghiên cứu, rèn luyện của sinh viên.

Hà Nội, ngày 03 tháng 01 năm 2024
CHỦ NHIỆM KHOA



PGS.TS. Dương Thị Hoàng Yến